TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-PT
Ngày 27 - 02 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Bà Nguyễn Thị Trung Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1956; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà L1 trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông C, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh V sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2016). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông H, sinh năm 1957. Vắng mặt.

2. Chị T1, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, chị T1: Bà T; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Theo các Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2016 và 05/6/2017). Có mặt.

3. Anh T2, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Anh V, sinh năm 1990. Có mặt.

5. Chị H1, sinh năm 1996; Vắng mặt

6. Bà N, sinh năm 1965. Vắng mặt.

7. Anh M1, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N, anh M1: Anh V; cư trú tại: Thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2016). Có mặt

8. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền ông C1, chức vụ Phó chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2017). Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà T trình bày: Gia đình bà được Nhà nước giao quản lý sử dụng một khu đất trồng rừng tại khu đồi P1 thuộc thôn B, xã M, huyện L tỉnh Lạng Sơn. Về nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha để lại cho vợ chồng bà quản lý từ năm 1995, trên đất có khoảng 700 cây thông to do bố mẹ trồng và một số cây gỗ tạp khác, bà đã khai thác vài lần và lần gần đây là khai thác vào năm 1998, sau khi khai thác gia đình bà đã quản lý, chăm sóc những cây còn nhỏ sót lại, các cây phát tán tự mọc và gia đình bà có được trồng dặm thêm, còn trồng bao nhiêu cây thì bà không nhớ. Năm 1995 gia đình bà đã kê khai và được cấp

sổ bìa xanh tại lô số 1045. Năm 2010 đo đạc bản đồ, để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà đã đi kê khai các lô đất theo sổ bìa xanh trong đó có lô số 1045 có diện tích là 1,3 ha. Năm 2011 gia đình bà đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BD 650495 tại thửa đất số 236, tờ bản đồ số 06, bản đồ đất lâm nghiệp xã M đo vẽ năm 2010 với diện tích 64.796m^2. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa số 236, tờ bản đồ số 06. Ngày 21/4/2015 khi bà đi cạo nhựa thông thì phát hiện ông C phá hỏng hơn 100 ống nhựa thông nên xảy ra tranh chấp. Nay bà yêu cầu ông C phải trả lại diện tích đất tranh chấp và toàn bộ cây thông trên diện tích đất tranh chấp; yêu cầu bồi thường 200.000 đồng do ông C đã phá túi đựng nhựa thông và thiệt hại về tài sản không khai thác được nhựa thông trong 7 tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng, tổng là 21.000.000 đồng. Yêu cầu ông C chấm dứt mọi hành vi lấn chiếm đất của gia đình bà, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình bà.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bà T tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện về phần đòi bồi thường thiệt hại tài sản do không khai thác được nhựa cây thông trong thời gian 07 tháng trên diện tích đất tranh chấp với số tiền là 21.000.000 đồng, 200.000 đồng tiền bồi thường về túi nhựa do gia đình ông C phá hỏng và thừa nhận gia đình ông C có được trồng cây thông lấn sang lô đất số 1045 của gia đình bà là 70 cây thông.

Theo bị đơn ông C trình bày: Gia đình ông có một lô đất tại đồi P1 thuộc thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là 0,9 ha, tại lô số 1187, khoảnh 15, tiểu khu 388 đất rừng phòng hộ, ông nhận giao khoán với Ban quản lý dự án 661 Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, theo hợp đồng giao khoán số 07/HĐKT ngày 25/3/2003, ông vẫn thường xuyên kiểm tra rừng thông của ông trồng theo dự án tại khu đồi P1, thôn P, xã M, có diện tích tranh chấp khoảng 10.000m^2 có ranh giới từ Kéo P1 thẳng qua Kéo P3 giáp với rừng thông của bà T. Khi đi giao nhận đất có ông G lúc đó là cán bộ địa chính xã M đi chỉ và giao tại thực địa, diện tích tranh chấp nằm một phần trong diện tích đất của gia đình ông đã được cấp sổ bìa xanh theo hồ sơ đăng ký số 590 ngày 10/3/1997 và được cấp bổ sung hai lô là lô 1369 và lô 1441 ngày 02/5/1998 và lô 56b ngày 17/6/1999, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp. Sau khi được cấp đất trồng rừng ông đã trồng cây thông trên diện tích được giao từ năm 2003. Trong đó có 114 cây do gia đình ông trồng, còn lại là cây phát tán tự mọc. Ông không nhất trí đơn khởi kiện của bà T và yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất, ông thừa nhận được phá hỏng hơn 100 túi đựng nhựa

cây thông trên diện tích đất tranh chấp, tại phiên tòa sơ thẩm bà T rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản thì ông không có ý kiến gì. Ngày 06/9/2016 ông C có đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T đối với diện tích đất đang tranh chấp, với lý do gia đình bà T đã lợi dụng khi đi kê khai đã chỉ lấn sang thửa đất số 1441 của gia đình ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, anh T2 yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía bị đơn, gồm bà N, anh M1, anh V, chị H1 nhất trí với ý kiến của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông C1 có ý kiến bằng văn bản, tại công văn số 557/UBND-TNMT ngày 09 tháng 6 năm 2017 cho rằng: Việc cấp lại, cấp đổi các thửa đất giữa sổ bìa xanh của hộ ông H vợ là T thành thửa đất số 236, tờ bản đồ số 6 là không đúng địa danh và không đúng vị trí. Thửa đất số 1045 năm 1995 đã được Hạt Kiểm lâm giao cho hộ ông H vợ là T quản lý, sử dụng và thửa đất số 1441 năm 1998 đã được Hạt Kiểm lâm giao cho hộ ông C quản lý, sử dụng tại địa danh P1. Tại vị trí và địa danh của hai thửa đất này thì theo dự án thành lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp từ tư liệu bản đồ địa chính tỉnh Lạng Sơn và bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L là chưa được cấp lại, cấp đổi. Thửa đất số 1045 và thửa đất số 1441 chưa có quyết định nào thu hồi hoặc thay thế hai thửa đất trên, do vậy hai thửa đất số 1045 và 1441 hiện nay vẫn còn giá trị pháp lý.

Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2017 đã xác định được diện tích đất tranh chấp tại địa danh đồi P1, một phần thuộc thôn B và một phần thuộc thôn P, xã M, huyện L, có đường phân thủy giữa thửa đất số 1045 và thửa đất số 1441 theo bản đồ giao đất giao rừng năm 1995. Diện tích đất tranh chấp được xác định là 6.271m^2 nằm trong lô số 1045. Về tài sản trên đất tranh chấp các đương sự đều thừa nhận theo biên bản định giá tài sản ngày 12/8/2016 gồm 504 cây thông, trong đó cây thông có đường kính gốc từ 10cm đến 20cm là 101 cây, cây thông có đường kính gốc từ 20cm đến 30cm là 403 cây. Ý kiến của nguyên đơn và bị đơn về sự chênh lệch về diện tích đất theo biên bản thẩm định ngày 12/8/2016, thì diện tích đất tranh chấp được xác định lại là 6.271m^2. Nguyên đơn bà T và bị đơn ông C đều nhất trí lấy số liệu diện tích đất tranh chấp theo

biên bản xác minh ngày 27/6/2017. Về tài sản trên đất lấy theo biên bản định giá tài sản ngày 12/8/2016, không yêu cầu định giá lại tài sản trên đất tranh chấp.

Với nội dung vụ án như trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

"Áp dụng các Điều 104;105;106; khoản 1, 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai. Các Điều 158; 159; 160; 161; 163; 164; 169; 170; 222; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, 9 Điều 26; Điều 34; Điều 35; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là sản phẩm nhựa cây thông và túi đựng nhựa thông số tiền là 21.200.000 đồng, do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T;

- Công nhận quyền quản lý và sử dụng hợp pháp đối với diện tích 6.271m2 đất tranh chấp và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp gồm 504 cây thông, tại đồi P1, thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thuộc lô số 1045, tiểu khu 394, theo quyết định số 465 UB-QĐ ngày 20/7/1995 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ ông H (vợ T). Diện tích đất tranh chấp có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía đông bắc từ điểm A đến điểm B tiếp giáp với đất của bà T có chiều dài cạnh là 37,64m.

- Phía đông từ điểm B đến điểm D tiếp giáp với đất của bà T có chiều dài cạnh. là 39,62m + 27,79m.

- Phía đông nam từ điểm D đến điểm E tiếp giáp với đất của bà T có chiều dài cạnh là 31,89m + 63,91m.

- Phía tây nam từ điểm E đến điểm G tiếp giáp với đất của bà T có chiều dài cạnh là 11,05m.

Phía tây từ điểm G đến điểm I tiếp giáp với đất của ông B1, ông C và bà B2 có chiều dài cạnh là 36,06m + 81,50m.

- Phía tây bắc từ điểm I đến điểm A tiếp giáp với đất của ông B3 có chiều dài cạnh là 45,97m. (Có sơ họa kèm theo).

- Buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo phía bị đơn chấm dứt mọi hành vi cản trở gia đình bà T thực hiện quyền của người sử dụng đất hợp pháp.

- Bà T có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đổi hoặc chỉnh lý lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn chỉnh lý lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người được sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông C đòi được quản lý sử dụng diện tích 6.271m2 đất tranh chấp và 403 cây thông có đường kính từ 20cm đến 30cm trên diện tích đất tranh chấp, tại đồi rừng P1, thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông C đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 236, vì quyền và lợi ích hợp pháp của ông C không bị xâm phạm.

3. Buộc bà T phải có trách nhiệm bồi thường giá trị 101 cây thông cho ông C với số tiền là 6.565.000 đồng. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng chẵn). Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết của Ủy thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

+ Ông C phải chịu 5.542.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước.

+ Miễn nộp toàn bộ án phí cho bà T

Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2011/02690 ngày 01/6/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn."

Trong thời hạn luật định, ngày 14 tháng 08 năm 2017 ông C là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh V là đại diện theo ủy quyền của ông C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được quản lý, sử dụng phần diện tích đất tranh chấp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho gia đình bà T.

Nguyên đơn bà T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bảo đảm quyền lợi cho nguyên đơn bà T và các hộ khác có diện tích đất trùng lấn với diện tích đất tranh chấp theo kết quả trưng cầu giám định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

- Về đơn kháng cáo: Ông C kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn luật định, được coi là hợp lệ.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Diện tích đất tranh chấp một phần thuộc thửa 236, phần còn lại thuộc thửa 234, 235, 196. Qua xem xét sổ mục kê (do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp) xác định được chủ sử dụng thửa 234 là hộ ông B1, thửa 235 là hộ ông D, thửa 196 chưa xác định được. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cần phải đưa các chủ sử dụng, quản lý các thửa đất 234, 235, 196 tham gia tố tụng thì mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người này. Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm, đó là: Không thực hiện thủ tục giám định diện tích đất tranh chấp; không giám định tuổi cây đã giải quyết cây trên đất là chưa đủ căn cứ; chi phí thẩm định, định giá buộc mỗi bên chịu ½ là vi phạm khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; tính án phí không đúng. Cần hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình để giải quyết lại sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng

cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T và ông C tranh chấp đất rừng trồng thông. Các bên đương sự đều thống nhất, xác định diện tích đất tranh chấp là 6.271m^2, trên đất tranh chấp có 504 cây thông; các bên đều xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 236, tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 06, xã M, huyện L (theo biên bản xác minh ngày 27/6/2017 và biên bản định giá ngày 12/8/2017).

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận quyền sử dụng diện tích 6.271m^2 đất tranh chấp và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất là 504 cây thông cho bà T. Ông C kháng cáo cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp thuộc lô đất số 1045 là không đúng, theo ông C thì diện tích đất tranh chấp thuộc lô đất số 1441 thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông C; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác minh thông qua việc đề nghị Uỷ ban nhân dân xã M xác định vị trí khu vực tranh chấp là chưa đầy đủ, chưa khách quan. Do đó, ông C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông C thấy rằng: Tại công văn số 557/UBND-TNMT ngày 09 tháng 6 năm 2017 UBND huyện L khẳng định: "Việc cấp lại, cấp đổi các thửa đất giữa sổ bìa xanh của hộ ông H vợ là T thành thửa đất số 236, tờ bản đồ số 6 là không đúng địa danh và không đúng vị trí. Thửa đất số 1045 năm 1995 đã được Hạt kiểm lâm giao cho hộ ông H vợ là T quản lý, sử dụng và thửa đất số 1441 năm 1998 đã được Hạt kiểm lâm giao cho hộ ông C quản lý, sử dụng tại địa danh P1. Tại vị trí và địa danh của 02 thửa đất này thì theo Dự án thành lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp từ tư liệu bản đồ địa chính cơ sở tỷ lệ 1:10.000 tỉnh Lạng Sơn cũng như Dự án thành lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp xã M chưa được cấp lại, cấp đổi. Đối chiếu giữa Bản đồ giao đất, giao rừng năm 1995 với Bản đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp năm 2000 của xã M thì thửa đất số 1045 tương ứng với thửa đất số 1426 và tương ứng với thửa đất số 236, tờ Bản đồ số 6, bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã M đo đạc năm 2008 có địa danh P1. Vì 02 thửa đất số 1045 và 1441 chưa được cấp đổi nên chưa có Quyết định nào thu hồi hoặc thay thế 02 thửa đất trên, do vậy 02 thửa đất số 1045 và 1441 hiện nay vẫn còn giá trị pháp lý".

[4] Tại kết luận giám định tư pháp ngày 12 tháng 01 năm 2018 của giám định viên Hoàng Văn Toàn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận:

[5] "7.1. Diện tích 6.271m^2 thuộc một phần của thửa đất số 236, tờ số 06, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L. Thuộc lô, số thửa 1045 trên bản đồ giao đất, giao rừng xã M năm 1995.

[6] 7.2. Phần diện tích đất tranh chấp (6.271m^2) tiếp giáp và trùng với các thửa đất: có 447,9m^2 thuộc thửa số 235, 40,2m^2 thuộc thửa số 234, 148,4m^2 thuộc thửa số 196, còn lại 5.634,5m^2 thuộc thửa số 236, tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn".

[7] Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Diện tích đất tranh chấp 6.271m^2 thuộc một phần các thửa số 196 (148,4m^2), 234 (40,2m^2), 235 (447,9m^2), 236 (5.634,5m^2).

[8] Qua xem xét sổ mục kê (do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp), xác định thửa số 234 tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn chủ sử dụng, quản lý là hộ ông B1; thửa số 235 tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn chủ sử dụng, quản lý là hộ ông D; đối với thửa số 196 tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn Tòa án chưa có căn cứ xác định chủ sử dụng, quản lý đối với thửa đất này.

[9] Để xem xét toàn diện, khách quan và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sử dụng, quản lý các thửa đất nêu trên cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Cần đưa các chủ sử dụng, quản lý thửa đất số 196, 234, 235 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đây là tình tiết mới phát sinh, cấp phúc thẩm không thể sửa chữa, bổ sung được. Cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Điều đó là phù hợp với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[10] Tại cấp phúc thẩm bị đơn yêu cầu giám định, Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định, kết quả giám định nêu trên là tình tiết mới của vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định các chủ sử dụng, quản lý thửa đất số 196, 234, 235 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không có lỗi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm trong việc xác định người phải chịu chi phí tố tụng và tính án phí sơ thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[11] Do hủy bản án nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

Ông C không phải án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông C số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/01099 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/02/2018)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện Lộc Bình;
- Các đương sự;
- Người bvqlhp của đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Long Kiếm